

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 17

03028
CỘNG HÒA
XÃ HỘI
KIỂM
DỊ
VIỆT
NAM - TI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank, 180-192 Nguyễn Công Trứ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ái	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/5/2011)
Ông Lê Quốc Ân	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 18/5/2011)
Ông Trần Văn Ái	Phó Chủ tịch Thường trực (Miễn nhiệm ngày 18/5/2011)
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó Chủ tịch Thường trực (Bổ nhiệm ngày 18/5/2011)
Ông Uông Tiến Thịnh	Phó chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 18/5/2011)
Ông Lim Chun Soo	Phó chủ tịch
Ông Oh Kyung Hee	Thành viên, Tổng Giám đốc
Ông Kim Jung Kwan	Thành viên
Ông Park Won Sang	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên
Ông Hwang Jeong Yun	Thành viên
Ông Shin Hyun Jae	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 12/8/2011)
Ông Han Joon Ho	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 12/8/2011)

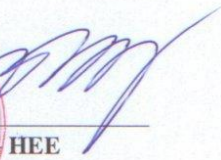
2. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



OH KYUNG HEE
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 3 năm 2012





CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi
Thanh, Dong Da T. 844 6266 3006 www.dfk.com.vn

Số: 79/BCKT-DFK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, từ trang 03 đến trang 17 kèm theo, được lập vào ngày 14 tháng 3 năm 2012.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

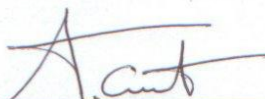
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp các với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan khác.


Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0182/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 14 tháng 3 năm 2012


Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0985/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		153.137.271.148	186.828.466.346
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	81.944.341.083	129.292.170.532
1. Tiền	111		81.944.341.083	129.292.170.532
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	33.432.690.692	36.313.432.113
1. Đầu tư ngắn hạn	121		90.454.510.132	90.127.176.512
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(57.021.819.440)	(53.813.744.399)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	36.030.337.064	20.849.036.641
1. Phải thu khách hàng	131		1.051.250.000	156.231.443
2. Trả trước cho người bán	132		-	101.028.500
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		142.023.806	-
4. Các khoản phải thu khác	138		36.265.912.230	20.703.776.698
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.428.848.972)	(112.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.729.902.309	373.827.060
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.348.563.236	230.202.156
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		245.558.685	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		80.067.404	80.067.404
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		55.712.984	63.557.500
B. Tài sản dài hạn	200		29.341.548.654	11.511.849.010
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		21.929.174.376	9.659.965.675
1. TSCĐ hữu hình	221	9	10.765.030.948	9.290.275.587
- Nguyên giá	222		18.066.421.444	15.141.076.673
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.301.390.496)	(5.850.801.086)
2. TSCĐ vô hình	227	10	10.991.295.348	369.690.088
- Nguyên giá	228		12.403.069.370	665.701.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.411.774.022)	(296.011.864)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	172.848.080	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.412.374.278	1.851.883.335
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.640.069.383	-
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	1.580.762.395	1.084.053.676
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	1.191.542.500	767.829.659
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		182.478.819.802	198.340.315.356

Các thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. Nợ phải trả	300		26.147.029.039	35.456.501.467
I. Nợ ngắn hạn	310		26.147.029.039	35.456.501.467
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	3.000.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		6.208.508.200	22.698.000
3. Người mua trả tiền trước	313		-	10.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	15	304.098.347	253.393.923
5. Phải trả công nhân viên	315		518.379.129	392.715.384
6. Chi phí phải trả	316	16	396.194.363	76.541.667
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	251.022.859	14.456.981.183
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	15.737.390.741	16.960.292.535
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.731.435.400	283.878.775
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		156.331.790.763	162.883.813.889
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	156.331.790.763	162.883.813.889
1. Vốn điều lệ	411		263.646.000.000	263.646.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(107.314.209.237)	(100.762.186.111)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		182.478.819.802	198.340.315.356

SỔ ĐỎ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		645.764.940.000	356.104.100.000
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		565.588.770.000	339.730.620.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		6.800.350.000	2.346.020.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		555.930.030.000	333.893.520.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		2.858.390.000	3.491.080.000
6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		3.813.660.000	4.744.480.000
6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	-
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		3.813.660.000	4.744.480.000
6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		-	-
6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	017		10.020.000.000	11.629.000.000
6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		10.020.000.000	11.629.000.000
6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	022		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027		5.652.900.000	-
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		-	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		5.652.900.000	-
6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		-	-
6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		-	-
6.6. Chứng khoán phong toả chờ rút	032		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037		23.073.410.000	-
6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		23.073.410.000	-
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		-	-
6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		37.616.200.000	-
6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		37.616.200.000	-
6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		-	-



Các thuyết minh kèm theo từ trang 09 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		41.279.450.000	-
Trong đó:				
7.1. Chứng khoán giao dịch	051		21.279.450.000	-
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		-	-
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		21.279.450.000	-
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		-	-
7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		20.000.000.000	-
7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		-	-
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		20.000.000.000	-
7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
7.3. Chứng khoán cầm cố	061		-	-
7.4. Chứng khoán tạm giữ	066		-	-
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	-
7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076		-	-
7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081		-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082		-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		-	-



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 3 năm 2012



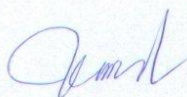
309063
 VG TY
 KIỂM HỮU
 A TOÁN
 JFK
 NAM
 TP. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu	01		30.872.827.508	13.728.569.884
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		6.388.827.156	8.631.873.289
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2.894.890.849	1.920.772.135
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		4.354.106.491	440.600.000
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	01.6		23.066.500	16.404.000
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	13.711.398
- Doanh thu khác	01.9		17.211.936.512	2.705.209.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		30.872.827.508	13.728.569.884
4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	20	8.099.966.873	53.922.794.754
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		22.772.860.635	(40.194.224.870)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	28.503.756.886	17.467.922.777
7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.730.896.251)	(57.662.147.647)
8. Thu nhập khác	31		204.428.208	79.837.195
9. Chi phí khác	32		1.025.555.083	-
10. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(821.126.875)	79.837.195
11. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(6.552.023.126)	(57.582.310.452)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.552.023.126)	(57.582.310.452)



TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 3 năm 2012


OH KYUNG HEE
 Tổng Giám đốc



Các thuyết kèm theo minh từ trang 09 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 7/17



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	(6.552.023.126)	(57.582.310.452)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.162.030.952	1.937.911.219
Các khoản dự phòng	03	4.524.924.013	47.334.056.515
(Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(14.049.390.621)	(704.091.079)
Chi phí lãi vay	06	23.625.000	2.524.448.565
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(12.890.833.782)	(6.489.985.232)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(16.759.780.881)	6.876.578.830
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(327.333.620)	-
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	(6.232.930.761)	(19.871.126.223)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(5.758.430.463)	2.359.401.752
Tiền lãi vay đã trả	13	(100.166.667)	(2.441.198.565)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	671.265.013	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.530.190.327)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.928.401.488)	(19.566.329.438)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(16.456.647.990)	(326.507.000)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	31.818.182	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.786.082.880)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	11.757.985.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.005.401.847	1.647.483.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.419.427.961)	10.292.879.110
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	-	128.646.000.000
Tiền vay và nợ ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	75.510.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	(92.510.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.000.000.000)	111.646.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(47.347.829.449)	102.372.549.672
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	129.292.170.532	26.919.620.860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	81.944.341.083	129.292.170.532

TRƯƠNG THỊ KIM DUNG

Kế toán trưởng

Ngày 14 tháng 3 năm 2012



OH KYUNG HEE

Tổng Giám đốc

Các thuyết kèm theo minh từ trang 09 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 8/17



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính được đính kèm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/7/2007, Giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK ngày 17/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/3/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 263.646.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam đặt tại tầng 3 số 249, đường Trần Đăng Ninh, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Các chứng khoán này được ghi nhận tiếp theo theo giá gốc trừ khoản lãi dồn tích trước ngày mua thực nhận, nếu có.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày gần nhất.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	10
Tài sản khác	8

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán và được khấu hao với thời gian là 4 - 5 năm.

Lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương chi trả cho người lao động và trích lập vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 22% và 4,5% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 19% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 7,5% sẽ được trích từ lương của người lao động, bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên. Kinh phí công đoàn được trích vào chi phí là 2% và 1% từ lương công nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2011

Chi phí lãi vay

Lãi tiền vay của khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản liên quan.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Các điều kiện ghi nhận cụ thể được áp dụng đối với:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả cung cấp dịch vụ theo hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu được ghi nhận theo mức độ hoàn thành dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu cổ tức được ghi nhận khi cổ tức đã nhận hoặc được quyền nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp và đầy đủ về việc chắc chắn sẽ có được lợi nhuận tính thuế trong tương lai, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

9063
CÔNG TY
CHỨNG KHOÁN
KIS VIỆT NAM
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	31/12/2011	31/12/2010
Tiền mặt	5.383.825	15.797.888
Tiền gửi ngân hàng	66.989.927.611	112.316.080.109
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	14.949.029.647	16.960.292.535
Cộng	81.944.341.083	129.292.170.532

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Chi tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (cổ phiếu)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (đồng)
a) Của Công ty Chứng khoán	549.317	13.344.875.540
- Cổ phiếu	549.317	13.344.875.540
b) Của nhà đầu tư	171.879.602	3.092.212.975.220
- Cổ phiếu	171.879.602	3.092.212.975.220
Tổng cộng	172.428.919	3.105.557.850.760

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị ghi sổ	Tăng/(giảm) so với giá trị thị trường	Tổng giá trị theo giá thị trường
a. Chứng khoán thương mại	680.035	25.281.876.188	(15.990.033.838)	9.291.842.350
b. Chứng khoán đầu tư	1.819.671	65.172.633.944	(41.031.785.602)	24.140.848.342
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.819.671	65.172.633.944	(41.031.785.602)	24.140.848.342
c. Đầu tư góp vốn	-	-	-	-
d. Đầu tư tài chính khác	-	-	-	-
Tổng Cộng	2.499.706	90.454.510.132	(57.021.819.440)	33.432.690.692

a. Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là các chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Mã cổ phiếu	Cổ phiếu tự doanh		Thị giá	Dự phòng giảm giá
	Số lượng CP	Giá trị đầu tư VND		
ACB	10.572	364.486.267	21.600	(136.131.067)
BBC	13.670	219.304.844	3.100	(176.927.844)
BMC	44.544	3.146.866.728	25.700	(2.002.085.928)
IDI	200.000	6.000.000.000	6.100	(4.780.000.000)
PPC	48.240	1.389.420.453	7.000	(1.051.740.453)
PVF	78.000	2.853.951.105	7.200	(2.292.351.105)
TBC	25.940	706.538.000	10.000	(447.138.000)
VCB	247.500	10.324.466.297	21.800	(4.928.966.297)
CP khác	11.569	276.842.494	-	(174.693.144)
Tổng	680.035	25.281.876.188		(15.990.033.838)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Là chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được Công ty nắm giữ nhằm mục đích sẵn sàng để bán, bao gồm các chứng khoán:

	Số lượng CP	Giá mua/CP	Giá trị đầu tư	Giá trị sổ sách	Dự phòng giảm giá
Công ty CP Lạc Việt	288.000	35.000	10.080.000.000	11.913	(6.648.930.942)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Nguyễn Hoàng	450.000	23.000	10.350.000.000	10.459	(5.643.661.500)
Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch	425.000	35.294	15.000.001.000	10.143	(10.689.166.794)
Công ty CP Phát triển KCN Tín Nghĩa	398.638	51.230	20.422.283.144	20.781	(12.138.066.946)
Công ty CP Thương mại Dệt May	56.033	10.600	593.949.800	12.877	-
Tổng Công ty CP May Việt Tiến	202.000	43.200	8.726.400.000	13.933	(5.911.959.420)
Tổng cộng	1.819.671		65.172.633.944		(41.031.785.602)

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu khách hàng	1.051.250.000	156.231.443
Trả trước cho người bán	-	101.028.500
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	142.023.806	-
Phải thu khác	(*) 36.265.912.230	20.703.776.698
Cộng	37.459.186.036	20.961.036.641
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.428.848.972)	(112.000.000)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	36.030.337.064	20.849.036.641

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác:

	31/12/2011	31/12/2010
Phải thu nhà đầu tư liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	317.274.576	1.380.635.000
Phải thu về cổ tức	900.000.000	-
Phải thu nghiệp vụ hợp tác đầu tư chứng khoán	34.623.582.098	5.421.910.752
Các khoản phải thu cầm cố chứng khoán	-	13.880.000.000
Phải thu khác	425.055.556	21.230.946
Cộng	36.265.912.230	20.703.776.698

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01 tháng 01	230.202.156	448.709.390
Tăng trong năm	8.173.805.198	3.524.720.228
Phân bổ vào chi phí trong năm	(7.055.444.118)	(3.743.227.462)
Tại ngày 31 tháng 12	1.348.563.236	230.202.156

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2011	13.000.933.045	474.809.600	1.665.334.028	15.141.076.673
Tăng trong kỳ	4.546.432.492	-	-	4.546.432.492
Thanh lý	(50.355.347)	-	(1.570.732.374)	(1.621.087.721)
Tại ngày 31/12/2011	17.497.010.190	474.809.600	94.601.654	18.066.421.444
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 01/01/2011	5.167.345.428	190.843.929	492.611.729	5.850.801.086
Khấu hao trong kỳ	1.908.426.011	47.480.960	90.361.823	2.046.268.794
Thanh lý	(29.403.467)	(32.574.061)	(533.701.856)	(595.679.384)
Tại ngày 31/12/2011	7.046.367.972	205.750.828	49.271.696	7.301.390.496
Giá trị còn lại				
Tại ngày 31/12/2010	7.833.587.617	283.965.671	873.723.893	9.290.275.587
Tại ngày 31/12/2011	10.450.642.218	269.058.772	45.329.958	10.765.030.948

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Website Công ty	Phần mềm máy tính
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2011	535.140.528	130.561.424	665.701.952
Tăng trong năm	11.737.367.418	-	11.737.367.418
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	12.272.507.946	130.561.424	12.403.069.370
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01/01/2011	209.027.345	86.984.519	296.011.864
Khấu hao trong năm	1.086.068.586	29.693.572	1.115.762.158
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31/12/2011	1.295.095.931	116.678.091	1.411.774.022
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2010	326.113.183	43.576.905	369.690.088
Tại ngày 31/12/2011	10.977.412.015	13.883.333	10.991.295.348

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2011	31/12/2010
Thiết kế website	172.848.080	-
Cộng	172.848.080	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	Năm 2011	Năm 2010
Tại ngày 01 tháng 01	-	-
Tăng trong năm	5.091.204.971	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(451.135.588)	-
Tại ngày 31 tháng 12 (*)	4.640.069.383	-

(*) Bao gồm:	31/12/2011	31/12/2010
Hệ thống trang thiết bị văn phòng	3.513.371.155	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.126.698.228	-
Cộng	4.640.069.383	-

Chi phí trả trước dài hạn được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 24 đến 60 tháng.

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN	Năm 2011	Năm 2010
Đầu năm	1.084.053.676	372.434.458
Tiền nộp bổ sung	362.664.044	635.791.857
Tiền lãi phân bổ trong năm	134.044.675	75.827.361
Cuối năm	1.580.762.395	1.084.053.676

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	31/12/2011	31/12/2010
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	1.037.070.000	720.477.159
Đặt cọc thuê văn phòng tại thành phố Hà Nội	39.352.500	39.352.500
Đặt cọc thuê nhà cho Ban Tổng Giám đốc	107.120.000	-
Ký quỹ dài hạn khác	8.000.000	8.000.000
Cộng	1.191.542.500	767.829.659

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC	31/12/2011	31/12/2010
Thuế GTGT	-	2.754.604
Thuế thu nhập cá nhân	304.098.347	250.639.319
Cộng	304.098.347	253.393.923

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ	31/12/2011	31/12/2010
Lãi vay phải trả	-	76.541.667
Các khoản chi phí phải trả khác	396.194.363	-
Cộng	396.194.363	76.541.667

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC	31/12/2011	31/12/2010
BHXX, BHYT, BHTN	40.518.725	42.780.231
Kinh phí công đoàn	46.833.134	6.713.822
Phải trả ứng trước tiền bán chứng khoán của nhà đầu tư	-	145.387.000
Phải trả cầm cố chứng khoán của nhà đầu tư - Eximbank	-	13.880.000.000
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	-	99.033.069
Các khoản phải trả khác	163.671.000	283.067.061
Cộng	251.022.859	14.456.981.183

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	31/12/2011	31/12/2010
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư trong nước	15.609.210.741	16.960.292.535
Phải trả giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	128.180.000	-
Cộng	15.737.390.741	16.960.292.535

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tại ngày 01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 31/12/2011
Vốn điều lệ	263.646.000.000	-	-	263.646.000.000
Lỗ lũy kế	(100.762.186.111)	-	(6.552.023.126)	(107.314.209.237)
Cộng	162.883.813.889	-	(6.552.023.126)	156.331.790.763

	Tại ngày 31/12/2011			Tại ngày 01/01/2011	
	Tỷ lệ	Số lượng CP	Số tiền	Tỷ lệ	Số lượng CP
Cổ đông sáng lập	19,591%	5.165.000	51.650.000.000	22,530%	5.940.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	8,705%	2.295.000	22.950.000.000	11,265%	2.970.000
Ông Trần Văn Ái	6,903%	1.820.000	18.200.000.000	6,903%	1.820.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	3,983%	1.050.000	10.500.000.000	4,362%	1.150.000
Cổ đông chiến lược	48,795%	12.864.600	128.646.000.000	48,795%	12.864.600
Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Hàn Quốc	48,795%	12.864.600	128.646.000.000	48,795%	12.864.600
Cổ đông khác	31,614%	8.335.000	83.350.000.000	28,675%	7.560.000
Cộng	100%	26.364.600	263.646.000.000	100%	26.364.600

20. Chi phí hoạt động kinh doanh	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.690.147.666	1.187.998.843
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	244.609.352	1.216.671.056
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán	3.208.075.041	47.278.056.515
Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	291.368.448	83.400.000
Chi phí lãi vay	23.625.000	2.524.448.565
Chi phí lưu ký chứng khoán	348.360.301	207.539.389
Chi phí khác	293.781.065	1.424.680.386
Cộng	8.099.966.873	53.922.794.754

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2011	Năm 2010
Chi phí nhân viên	12.729.603.089	6.758.322.402
Dụng cụ văn phòng	349.506.934	42.658.369
Khấu hao TSCĐ	3.162.030.952	1.937.911.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.304.851.723	4.388.235.624
Chi phí bằng tiền khác	2.640.915.216	2.162.300.645
Chi phí trước hoạt động	-	2.122.494.518
Chi phí lập dự phòng phải thu khó đòi	1.316.848.972	56.000.000
Cộng	28.503.756.886	17.467.922.777

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	(6.552.023.126)	(57.582.310.452)
Điều chỉnh	(6.362.934.652)	43.791.952.235
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán	-	44.521.952.235
Lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán chưa niêm yết	-	44.521.952.235
Các khoản khác	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán	(6.362.934.652)	(730.000.000)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết	(3.490.166.633)	-
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(2.872.768.019)	(730.000.000)
Thu nhập tính thuế	(12.914.957.778)	(13.790.358.217)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

23. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Năm 2011	Năm 2010
Công ty Tài chính Dệt May	Chi phí lãi vay	23.625.000	1.435.162.776
Korea Investment & Securities	Doanh thu dịch vụ	4.180.361.482	-

Tại ngày 31/12/2011, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	31/12/2011	31/12/2010
Công ty Tài chính Dệt May	Phải trả lãi vay	-	76.541.667
Công ty Tài chính Dệt May	Nợ vay	-	3.000.000.000
Korea Investment & Securities	Phải thu	1.051.250.000	-


TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng
 Ngày 14 tháng 3 năm 2012

